

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy sản; Chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BUI ĐẮC THUYẾT

2. Ngày tháng năm sinh: 02/09/1975; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Thọ Hải, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Số 6, Ngách 17, Ngõ 188 Phố Tư Đình, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0968051630;

E-mail: buidacthuyet@gmail.com; bthuyet@hunre.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 02 năm 1998 đến tháng 2 năm 2002: Nghiên cứu viên, Phòng Môi Trường, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1.

- Từ tháng 03 năm 2002 đến tháng 12 năm 2003: Học viên cao học, Trường Đại học Queensland, Australia.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 01 năm 2004 đến tháng 03 năm 2008: Nghiên cứu viên, Phòng Môi trường, Trung tâm Nghiên cứu, Quan trắc, Cảnh báo Môi trường và Phòng ngừa dịch bệnh Thủy sản khu vực miền Bắc, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1.

- Từ tháng 03 năm 2008 đến tháng 03 năm 2012: Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Charles Darwin, Australia.

- Từ tháng 04 năm 2012 đến tháng 05 năm 2012: Nghiên cứu viên, Phòng Môi trường, Trung tâm Nghiên cứu, Quan trắc, Cảnh báo Môi trường và Phòng ngừa dịch bệnh Thủy sản khu vực miền Bắc, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1.

- Từ tháng 05 năm 2012 đến tháng 08 năm 2015: Nghiên cứu viên, Trưởng phòng Môi trường, Trung tâm Nghiên cứu, Quan trắc, Cảnh báo Môi trường và Phòng ngừa dịch bệnh Thủy sản khu vực miền Bắc, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1.

- Từ tháng 09 năm 2015 đến tháng 11 năm 2020: Giảng viên, Phó Trưởng khoa, Khoa Khoa học Biển và Hải đảo, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Từ tháng 12 năm 2020 đến nay: Giảng viên chính, Phó Trưởng khoa, Khoa Khoa học Biển và Hải đảo, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: 41A Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02437645797, 02437645799/1511

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Học viện Nông nghiệp Việt Nam;
- Trường Đại học Hùng Vương;
- Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 24 tháng 01 năm 1998; số văn bằng: 51687; ngành: Thủy sản, chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Thủy sản, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 10 tháng 12 năm 2003; số văn bằng: 40212649; ngành: Thủy sản; chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Queensland, Australia.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 19 tháng 10 năm 2012; số văn bằng:; ngành: Môi trường; chuyên ngành: Khoa học Môi trường; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Charles Darwin, Australia.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu môi trường và sinh thái thủy vực, quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong nuôi trồng thủy sản, đánh giá tác động của nuôi trồng thủy sản tới môi trường, các hệ sinh thái thủy vực và ngược lại.

- Nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến thủy sản, hiện trạng và phát triển thủy sản bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, 01 dự án quốc tế; thành viên tham gia 12 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và 01 dự án quốc tế. Hiện nay đang chủ nhiệm 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2024.

- Đã công bố 33 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2013 và 2021; Bằng khen của Hiệu trưởng năm 2020.

16. Kỷ luật: Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về tiêu chuẩn của nhà giáo:

Bản thân có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt. Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm của cơ sở đào tạo (như có trình độ tiến sĩ, có trên 17 năm kinh nghiệm nghiên cứu và gần 9 năm giảng dạy đại học, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy đại học, chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng II, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh - tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ tại Australia). Nhờ được đào tạo tốt về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ giúp tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác tại đơn vị công tác. Bản thân cũng bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

- Về nhiệm vụ của nhà giáo:

Bản thân thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhà giáo bao gồm: Giảng dạy và tham gia xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục, chú trọng công tác đảm bảo chất lượng nhằm tạo ra lực lượng lao động chất lượng cao phục vụ cho quá trình phát triển bền vững kinh tế biển và vùng bờ. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học. Học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu để không ngừng tích lũy kinh nghiệm cho bản thân, đồng thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh và đổi mới phương pháp giảng dạy giúp cho người học dễ tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng chuyên môn hiệu quả hơn. Trong vai trò là người lãnh đạo đơn vị, tôi luôn tạo điều kiện, khuyến khích đồng nghiệp học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên trong đơn vị đồng thời tạo nguồn cán bộ kế cận đảm bảo sự phát triển liên tục của đơn vị.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 8 năm 10 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018 - 2019				01	150		150/243,8/216
2	2019 - 2020				01	233		233/260,8/216
3	2020 - 2021				01	323		323/367,7/224
03 năm học cuối								
4	2021 - 2022			01		235		235/246,6/228
5	2022 - 2023			03		244		244/240,4/228
6	2023 - 2024				01	244		244/254,0/249

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Học ThS ☒ và bảo vệ luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Australia năm 2002-2003 và 2008-2012.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Trường Giang		x	x		5/2021 – 6/2022	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng 17/11/2022
2	Lê Kiều Trinh		x	x		5/2021 – 6/2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Ngày cấp bằng 20/09/2022
3	Phạm Ngọc Mỹ		x		x	5/2021 – 9/2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Ngày cấp bằng 30/12/2022
4	Trần Thị Bích Thảo		x	x		5/2021 – 11/2022	Trường Đại học Hùng Vương	Ngày cấp bằng 20/02/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Sổ tay hướng dẫn Tác động của biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng trong nuôi trồng thủy sản	HD	Nhà xuất bản nông nghiệp, 2016	03	x	01-55	Quyết định số 3380/QĐ-TĐHHN ngày 20/09/2018
2	Quản lý rủi ro trong nuôi ngao ven biển nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	TK	Nhà xuất bản Lao động, 2022	01	x	01-31	Quyết định số 146/QĐ-TĐHHN ngày 16/01/2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/P CN/T K/TV	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Điều tra các yếu tố môi trường sinh thái, kinh tế xã hội nhằm xác định cơ cấu nuôi trồng thủy sản hợp lý, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở miền Bắc Việt Nam	TV	Cấp Bộ (Bộ Thủy sản)	01/1997 – 12/2001	Đã nghiệm thu. Đạt.
2	Điều tra nguồn lợi thủy sản sông Lô-Gâm	TV	Cấp Bộ (Bộ Thủy sản)	01/1999 – 12/1999	Đã nghiệm thu. Đạt.
3	Quan trắc cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam	TV	Cấp Bộ (Bộ Thủy sản)	01/2004 – 12/2004	Đã nghiệm thu. Đạt.
4	Nghiên cứu đánh giá nguồn lợi thủy sản nước lạnh ở miền Bắc Việt Nam, đề xuất biện pháp quản lý và phát triển nguồn lợi	CN	Cấp Bộ (Bộ Thủy sản)	01/2005 – 12/2006	Đã nghiệm thu; Quyết định số 1119/QĐ-BTS ngày 31/07/2007. Đạt.
5	Quan trắc cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam	TV	Cấp Bộ (Bộ Thủy sản)	01/2005 – 12/2005	Đã nghiệm thu. Đạt.
6	Quan trắc cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam	TV	Cấp Bộ (Bộ Thủy sản)	01/2006 – 12/2006	Đã nghiệm thu. Đạt.
7	Xây dựng Hướng dẫn đánh giá tác động môi trường trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt	TV	Cấp Bộ (Bộ Thủy sản – cũ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	01/2007 – 12/2007	Đã nghiệm thu. Đạt.
8	Quan trắc cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam	TV	Cấp Bộ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	01/2008 – 12/2008	Đã nghiệm thu. Đạt.
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
9	Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm góp phần ổn định nghề nuôi nghêu thương phẩm ở Việt Nam	TV	Cấp Bộ (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)	01/2012 – 12/2014	Đã nghiệm thu. Đạt.
10	Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh hoại tử gan tụy trên tôm tại phía Bắc	TV	Cấp Bộ (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)	05/2012 – 12/2012	Đã nghiệm thu. Đạt.
11	Xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu	TV	Cấp Bộ (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)	01/2013 – 12/2013	Đã nghiệm thu. Đạt.

12	Xây dựng Đề án kiểm soát ô nhiễm môi trường nuôi trồng thủy sản (tôm, cá tra) đến năm 2020	CN	Cấp Bộ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	01/2013 – 12/2013	– Đã nghiệm thu; Biên bản thanh lý hợp đồng số 08/TLHD, ngày 30/12/2014. Đạt.
13	Giám sát chủ động vùng nuôi tôm nước lợ và ngao nuôi tập trung tại một số tỉnh phía Bắc	TV	Cấp Bộ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	01/2015 – 12/2015	– Đã nghiệm thu. Đạt.
14	Tác động của biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng an toàn sinh học cho nuôi trồng thủy sản miền Bắc Việt Nam	TV	Dự án quốc tế do chính phủ Đan Mạch tài trợ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	12/2011 – 12/2016	– Đã nghiệm thu. Đạt.
15	Điều tra, khảo sát, xây dựng các văn bản quản lý loài ngoại lai xâm hại và cập nhật danh mục loài ngoại lai xâm hại ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 27/2013/TTLT-BTNMT-BNNPTNT	TV	Cấp Bộ (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	01/2016 – 12/2018	– Đã nghiệm thu. Đạt.
16	Improving capacity of coastal bivalve farms in risk management in the context of climate change	CN	AAGF-R3-00201, Dự án thuộc chương trình Aus4Skills, Úc	01/2021 – 06/2022	– Đã nghiệm thu; Thư xác nhận hoàn thành dự án. Hoàn thành.
17	Sử dụng bộ công cụ Harmonia ⁺ đánh giá nguy cơ xâm hại của một số loài cá ngoại lai tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, tỉnh Ninh Bình	CN	13.01.24.G.02, Cấp cơ sở, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	01/2024 – 12/2024	– Đang triển khai.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TV: Thành viên, tham gia.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Điều tra thành phần loài và sinh vật lượng động vật đáy trong các thủy vực	2	x	Tuyển tập báo cáo khoa học tại Hội thảo khoa học toàn quốc về nuôi trồng thủy sản (29-			460-466	2000

	nội địa của tỉnh Nghệ An			30/9/1998), Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 1, Bắc Ninh				
2	Xử lý nước thải từ các ao nuôi tôm thâm canh: Các giải pháp sinh học và định hướng nghiên cứu	1	x	Tuyển tập báo cáo khoa học năm 2005 (Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I), NXB Nông nghiệp, ISBN: 893-603-29-4965-4			49-55	2/2007
3	Thành phần loài và sự phân bố của các loài cá trong các thủy vực nước lạnh ở miền Bắc Việt Nam	2	x	Tạp chí Sinh học, ISSN: 0866-7160			Tập 30, số 1, 22-28	3/2008
4	Impact of shrimp farm effluent on water quality in coastal areas of the World Heritage-listed Ha Long Bay	3	x	American Journal of Environmental Sciences, ISSN: 1553-345X (print), 1558-3910 (online)	Scopus, SCImago: Q3 (2012)	79	Vol. 8, No. 2, 104-116 DOI: https://doi.org/10.3844/ajessp.2012.104.116	3/2012
II Sau khi được công nhận PGS/TS								
5	Assessment and monitoring of nutrient loading in the sediments of tidal creeks receiving shrimp farm effluent in Quang Ninh, Vietnam	4	x	Environmental Monitoring and Assessment, ISSN 0167-6369 (print), 1573-2959 (electronic)	WoS (ISI), Scopus, SCImago: Q2 (2013) IF=3.0	16	Vol. 185, Iss. 10, 8715-8731 DOI: https://doi.org/10.1007/s10661-013-3207-2	10/2013
6	Hiện trạng nghề nuôi ngao ở một số tỉnh miền Bắc và Bắc Trung bộ, Việt Nam	2	x	Tạp chí Khoa học và phát triển (Tên mới: Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam), ISSN: 1859-0004			Tập 11, số 7, 972-980	10/2013
7	Species composition and densities of toxic algae at important aquaculture areas in Ha Long Bay, Vietnam	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ISSN: 1859-4581			Tháng 10/2013, 180-186	10/2013
8	Land cover and land use change related to shrimp farming in coastal areas of Quang Ninh,	3	x	Environmental Earth Sciences, ISSN 1866-6280 (print), 1866-6299 (electronic)	WoS (ISI), Scopus, SCImago: Q1 (2014)	40	Vol. 72, Issue 2, 441-555 DOI: https://doi.org/10.1007/s1	7/2014

	Vietnam using remotely sensed data				IF=2.8		2665-013-2964-0	
9	Nghiên cứu đánh giá sự biến động nhiệt độ và độ mặn tại vùng nuôi ngao ven biển tỉnh Thái Bình	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ISSN: 1859-4581			Số 16/2016, 84-88	8/2016
10	Đánh giá và lựa chọn mô hình nuôi tôm ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu tại huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	3	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-0004			Tập 15, số 1, 64-72 Link: https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/old/1-2017/8.pdf	2/2017
11	Đánh giá và lựa chọn mô hình nuôi cá lồng biển thích ứng với biến đổi khí hậu tại vịnh Cát Bà, Hải Phòng	3	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-0004			Tập 15, số 5, 590-597 Link: https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/old/5-2017/6.pdf	5/2017
12	Đánh giá và lựa chọn một số mô hình nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu ở miền Bắc Việt Nam	3	x	Tạp chí Thông tin Khoa học công nghệ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ISSN: 1859-1299			Số 7, 7-9	7/2017
13	Đánh giá hiệu quả của hoạt động truyền thông bảo vệ môi trường biển, đảo tại huyện Cát Hải, Hải Phòng	2	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường, ISSN: 0866-7608			Số 18, 59-67 Link: https://tapchi.hunre.edu.vn/index.php/tapchikhtnm/article/view/60/60	12/2017
14	Quản lý chất lượng nước nuôi trồng thủy sản trong bối cảnh biến đổi khí hậu	1	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ chuyên ngành Thủy sản giai đoạn 2013 – 2018. NXB Thanh Niên, ISBN: 978-604-970-360-7			390-398	9/2018
15	Ứng dụng công nghệ viễn thám trong nghiên cứu, quản lý tài nguyên, môi	1	x	Tuyển tập hội thảo khoa học năm 2018: Quản lý, bảo tồn trong phát triển bền vững tài nguyên và			90-97	10/2018

	trường biển và vùng bờ			môi trường vùng bờ. NXB Khoa học và Kỹ thuật, ISBN: 978-604-67-1149-0				
16	Hiện trạng và giải pháp phát triển nghề nuôi ngao ven biển tại xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	1	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-0004			Tập 16, số 10, 859-866 Link: https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2019/03/tap-chi-so-10.1.1.pdf	11/2018
17	Risk assessment for cold-water fish farms in Lao Cai province, Vietnam	1	x	International workshop Natural Resources and Risk Management in the Context of Climate Change. Publishing House of Science and Technology, ISBN: 978-604-913-968-0			90-97	12/2019
18	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển nghề khai thác hải sản tại thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	2		Tuyển tập báo cáo khoa học Diễn đàn Khoa học toàn quốc 2019: Sinh học biển và phát triển bền vững 2019. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-913-874-4			998-1007	8/2019
19	Speaking their language – Development of a multilingual decision-support tool for communicating invasive species risks to decision makers and stakeholders	76		Environmental Modelling and Software, ISSN: 1364-8152 (print), 1873-6726 (online)	WoS (ISI), Scopus, SCImago: Q1 (2021) IF=4.9	65	Vol. 135, 104900 DOI: https://doi.org/10.1016/j.envsoft.2020.104900	1/2021
20	Risk screening of the potential invasiveness of non-native aquatic species in Vietnam	5		Biological Invasions; ISSN: 1387-3547 (print), 1573-1464 (electronic)	WoS (ISI), Scopus, SCImago: Q1 (2021) IF=2.9	24	Vol. 23, 2047-2060 DOI: https://doi.org/10.1007/s10530-020-02430-2	2/2021

21	A global-scale screening of non-native aquatic organisms to identify potentially invasive species under current and future climate conditions	196		Science of the Total Environment, ISSN: 0048-9697 (print), 1879-1026 (online)	WoS (ISI), Scopus, SCImago: Q1 (2021) IF=9.8	102	Vol. 788, 147868 DOI: https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2021.147868	9/2021
22	Nghiên cứu biến động sử dụng đất nuôi tôm nước lợ tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An bằng tư liệu ảnh viễn thám	1	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học Nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-9988-83-7			318-324	11/2021
23	Investigating the exposure of shrimp farms to floods using remotely sensed data in Google Earth Engine: A case study in Quynh Luu District, Nghe An Province	1	x	International Conference: Technology in natural disaster prevention and Risk reduction. Publishing House of Science and Technology, ISBN: 978-604-357-070-0			1-9	8/2022
24	Assessing the risks to clam farming in Northern Vietnam within a climate change context	2	x	Aquaculture Research, ISSN: 1355-557X (print), 1365-2109 (online)	WoS (ISI), Scopus, SCImago: Q2 (2022)	4	Vol. 53, No. 17, 6272-6282 DOI: https://doi.org/10.1111/are.16100	12/2022
25	Ecological risk screening of sturgeons introduced for aquaculture in Vietnam	1	x	Fisheries Management and Ecology, ISSN: 0969-997X (print), 1365-2400 (online)	WoS (ISI), Scopus, SCImago: Q2 (2022)	2	Vol. 29, No. 6, 933–943 DOI: https://doi.org/10.1111/fme.12594	12/2022
26	Investigating water surface temperature at shrimp farms in Quynh Luu district, Nghe An province by using remotely sensed data in google earth engine	1	x	Vietnam Journal of Agriculture and Rural Development, ISSN: 2815 - 6110 (Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số tiếng Anh)			Vol. 3, No.1, 15-23	8/2023

27	Application of MIKE model for simulation of wastewater dispersion in the project of eco-tourism and residential areas of Rach Tram - Phu Quoc, Kien Giang, Vietnam	4		Vietnam Journal of Marine Science and Technology, ISBN: 1859-3097 (print), 2815-5904 (online) (Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển, số tiếng Anh)			Vol. 23, No.4, 361-376 DOI: https://doi.org/10.15625/1859-3097/18732	9/2023
28	Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát đến môi trường trên lưu vực sông hồng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	3		Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: Phát triển và quản lý bền vững Tài nguyên và Môi trường từ miền núi tới ven biển. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-357-173-8			90-99	9/2023
29	Đánh giá và lựa chọn mô hình nuôi cá rô phi thích ứng với biến đổi khí hậu tại Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	1	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: Phát triển và quản lý bền vững Tài nguyên và Môi trường từ miền núi tới ven biển. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-357-173-8			125-133	9/2023
30	Đánh giá nguy cơ xâm hại của tôm hùm nước ngọt (<i>Procambarus clarkii</i>) ở Việt Nam bằng các bộ công cụ sàng lọc sinh vật ngoại lai xâm hại	1	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ISSN: 1859-4581			Số đặc biệt Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực thủy sản Tháng 10/2023, 187-194	10/2023
31	Assessment of marine pollution loads from land-based activities: A case study in Hai An district, Hai Phong city	4		Proceedings of the Sixth International Scientific Conference: Earth Science, Mining, Environment for Digital Transformation, Green			204-214	12/2023

				Development, Circular Growth, and Response to Global Change. Science and Technics Publishing House, ISBN: 978-604-67-2826-9				
32	Using remotely sensed data in Google Earth Engine to investigate water surface temperature at shrimp farms in the climate change context: a case study at Mong Cai City, Quang Ninh Province, Vietnam	1	x	Aquaculture International, ISSN: 0967-6120 (print), 1573-143X (electronic)	WoS (ISI), Scopus, SCImago: Q2 (2023) IF=2.9		Published online (1-14), DOI: https://doi.org/10.1007/s10499-024-01465-9	3/2024
33	Sử dụng bộ công cụ Harmonia ⁺ đánh giá nguy cơ xâm hại của cá Hoàng đế (<i>Cichla ocellaris</i>) tại khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, tỉnh Ninh Bình	1	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái nguyên, eISSN: 2615-9562, ISSN: 1859-2171, 2734-9098			Tập 229, số 13, 61-69, Link: https://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/10377 DOI: https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10377	6/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05 bài (5, 8, 24, 25, 32).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo ngành Quản lý biển (năm 2023-2024)	Tổ phó	Quyết định số 1502/QĐ-TĐHHN, ngày 24/4/2023	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội		Đang triển khai

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo: Không thiếu.

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không thiếu.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không thiếu.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không thiếu.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: Không thiếu

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không.

c) Nghiên cứu khoa học: Không thiếu.

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

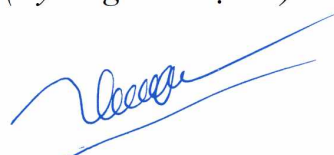
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Đắc Thuyết